TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3157/2022/DS-ST
Ngày: 18 – 8 – 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5153/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 5610/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ Tín dụng nhân dân A.

Trụ sở: Đường B, phường C, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc T (Giấy ủy quyền số 26/GUQ-ĐSG ngày 27/5/2022 của Quỹ Tín dụng nhân dân A), vắng mặt theo Đơn xin vắng mặt ngày 10/8/2022.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Hồ Thị Kim O.

2.2. Ông Hồ Văn M.

Cùng địa chỉ: Đường X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh, Ông M và Bà O vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân A có ông Trần Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 01/02/2019, bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 057-2019/HĐTD-ĐSG với Quỹ Tín dụng nhân dân A để vay số tiền 50.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ 01/02/2019 đến 01/02/2020), lãi suất 13.2%/năm (tương đương 1.1%/tháng); mục đích vay là phục vụ nhu cầu đời sống; hình thức bảo đảm tiền vay: Vay không có tài sản đảm bảo. Bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M nhận đủ số tiền như trong hợp đồng tín dụng và có ký kết khế ước nhận nợ.

Trong quá trình trả nợ, bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M chỉ thực hiện việc đóng tiền gốc tới ngày 01/11/2019 và tiền lãi tới ngày 07/01/2020. Sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng tiền theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cán bộ tín dụng và nhân viên thu hồi nợ nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin và gởi thông báo nhắc nợ bằng văn bản cho Bà O và Ông M nhưng cả hai cố tình né tránh, thiếu hợp tác. Tạm tính đến ngày 18/8/2022, số tiền nợ gốc và tiền lãi Bà O và Ông M còn nợ là 62.257.000 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 40.400.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn: 568.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn: 21.289.000 đồng.

Nay Quỹ Tín dụng nhân dân A yêu cầu Bà O và Ông M phải liên đới trả ngay toàn bộ số tiền vốn gốc và lãi cho Quỹ Tín dụng nhân dân A.

Bị đơn bà Hồ Thị Kim O vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời trình bày của Bà O.

Bị đơn ông Hồ Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai trình bày như sau:

Ông M và Bà O có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Quỹ Tín dụng nhân dân A. Do hoàn cảnh khó khăn nên Ông M đề nghị được trả dần mỗi tuần từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Theo Ông M thì Bà O mặc dù có ký tên trên hợp đồng tín dụng nhưng thực tế không nhận tiền vay. Vì vậy, Ông M xin được trả nợ thay cho Bà O. Ngoài ra, Ông M không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân A khởi kiện bị đơn bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn có địa chỉ tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân A là ông Trần Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M cùng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân A yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M trả tiền nợ gốc và tiền lãi là 62.257.000 (sáu mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số 057-2019/HĐTD-ĐSG: Căn cứ ý kiến trình bày của Quỹ Tín dụng nhân dân A và ông Hồ Văn M, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đầy đủ cơ sở để xác định: Ngày 01/02/2019, Quỹ Tín dụng nhân dân A ký Hợp đồng tín dụng số 057-2019/HĐTD-ĐSG cho Bà O và Ông M vay số tiền 50.000.000 đồng. Xét về mặt hình thức, hợp đồng được xác lập bằng văn bản, do người có thẩm quyền của Quỹ Tín dụng nhân dân A và Bà O, Ông M cùng ký kết. Về nội dung, hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên khi tham gia giao dịch, phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 057-2019/HĐTD-ĐSG có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân A yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M trả tiền nợ gốc 40.400.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Theo Khế ước nhận nợ số 057-2019/KUNN-ĐSG ngày 01/02/2019 thể hiện Bà O và Ông M đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng và có ký tên vào khế ước nhận nợ. Trên Bảng tổng hợp số tiền khách hàng còn phải thanh toán ngày 27/5/2022 cũng như Bảng tổng hợp số tiền khách hàng còn phải thanh toán ngày 18/8/2022 của

Quỹ Tín dụng nhân dân A thì số tiền vốn gốc mà Bà O và Ông M đã trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân A là 9.600.000 đồng, còn nợ lại 40.400.000 đồng. Tại Bản tự khai ngày 05/4/2021, Ông M xác nhận số tiền nợ do Quỹ Tín dụng nhân dân A trình bày là đúng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc Bà O và Ông M trả số tiền nợ gốc 40.400.000 đồng cho Quỹ Tín dụng nhân dân A.

[3.3] Nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân A yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M trả tiền lãi 21.857.000 đồng, bao gồm: Tiền lãi trong hạn: 568.000 đồng và tiền lãi quá hạn: 21.289.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bà O và Ông M chỉ thanh toán tiền lãi tới ngày 07/01/2020. Nay Quỹ Tín dụng nhân dân A yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M trả tiền lãi 21.857.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.4] Như vậy, tổng số tiền Bà O và Ông M phải trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân A là 62.257.000 (sáu mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

[3.5] Quỹ Tín dụng nhân dân A yêu cầu Bà O và Ông M thanh toán tiền lãi phát sinh ngay sau ngày 18/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ. Xét yêu cầu của Quỹ Tín dụng nhân dân A là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Quỹ Tín dụng nhân dân A và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6] Ông M yêu cầu được tự mình trả toàn bộ số tiền còn nợ Quỹ Tín dụng nhân dân A thay cho Bà O, Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù Ông M đề nghị trả nợ thay cho Bà O nhưng Bà O không tham gia tố tụng tại Tòa án, đồng thời cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang cho Ông M. Mặt khác, đối chiếu Khế ước nhận nợ số 057-2019/KUNN-ĐSG ngày 01/02/2019 thể hiện Bà O và Ông M đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng và cùng ký tên vào khế ước nhận nợ. Khoản 1 Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý*". Về phía Quỹ Tín dụng nhân dân A là bên có quyền vẫn yêu cầu Bà O và Ông M chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ, không đồng ý về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ Bà O sang Ông M. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Ông M.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 370, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Quỹ Tín dụng nhân dân A:

Buộc bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M thanh toán cho Quỹ Tín dụng nhân dân A số tiền còn nợ là 62.257.000 (sáu mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, trong đó bao gồm:

-Tiền nợ gốc: 40.400.000 đồng.

-Tiền lãi trong hạn: 568.000 đồng.

-Tiền lãi quá hạn: 21.289.000 đồng.

Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, giao nhận tiền tại Quỹ Tín dụng nhân dân A hoặc cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/8/2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 3.112.850 (ba triệu, một trăm mười hai nghìn, tám trăm năm mươi) đồng, bà Hồ Thị Kim O và ông Hồ Văn M phải chịu. Hoàn trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân A số tiền tạm ứng án phí là 1.225.450 (một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0027572 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi